

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước An	DH19CD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD					7,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT					1,0	2,5	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	20153057	VƯƠNG TRẦN GIA BẢO	DH20CD					6,0	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
5	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT					8,0	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
6	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD					7,5	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
7	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT					8,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT					7,0	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
9	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19153012	Lê Công Tiến Duy	DH19CD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD					8,5	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
12	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD					7,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD					9,0	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
14	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD					9,0	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	16118036	Trần Nguyễn Hải	DH16CC					8,0	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
16	19154032	Võ Trung	DH19OT					7,0	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD					9,0	9,0	0012345678●10	●123456789
18	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD					8,0	8,0	001234567●910	●123456789
19	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT					7,0	7,0	00123456●8910	●123456789
20	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT					8,5	8,8	001234567●910	01234567●9
21	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD					7,5	7,8	00123456●8910	01234567●9
22	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD					6,5	6,3	0012345●78910	012●456789
23	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC					7,0	6,0	0012345●78910	●123456789
24	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT					7,5	6,3	0012345●78910	012●456789
25	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT					7,0	6,5	0012345●78910	01234●6789
26	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD					7,5	7,0	00123456●8910	●123456789
27	19154048	Trần Hòa	DH19OT					9,0	9,0	0012345678●10	●123456789
28	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT						✓	●012345678910	0123456789
29	19153021	Lê Phước Hoài	DH19CD						✓	●012345678910	0123456789
30	19153025	Lương Quang Huy	DH19CD					7,0	6,0	0012345●78910	●123456789
31	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK					8,0	7,0	00123456●8910	●123456789
32	19118098	Trần Quốc Huy	DH19CK						✓	●012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153026	Trần Quốc Huy	DH19CD					4,0	4,5	0012345678910	0123456789
34	19153029	Hoàng Cao Khải	DH19CD					4,5	4,8	0012345678910	0123456789
35	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD					8,0	6,5	0012345678910	0123456789
36	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL					5,0	4,5	0012345678910	0123456789
37	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
38	20137091	PHẠM TUẤN	KIỆT	DH20NL				6,0	5,5	0012345678910	0123456789
39	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
40	19153037	Đinh Văn Quyền	Linh	DH19CD				8,5	7,3	0012345678910	0123456789
41	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD					5,5	5,3	0012345678910	0123456789
42	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK					8,0	7,5	0012345678910	0123456789
43	19118128	Trần Thanh Lộc	DH19CK					7,0	6,5	0012345678910	0123456789
44	19118129	Nguyễn Bá Lợi	DH19CK					6,5	6,3	0012345678910	0123456789
45	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
46	19153043	Lê Tấn Thương	Minh	DH19CD					✓	0012345678910	0123456789
47	19154093	Nguyễn Lê Anh	Minh	DH19OT				7,0	6,0	0012345678910	0123456789
48	19118148	Huỳnh Hoài Nam	DH19CK					4,0	4,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD					8,5	7,3	0012345678910	0123456789
50	20118206	PHAN TRỌNG NGHĨA	DH20CC						✓	0012345678910	0123456789
51	19154101	Dương Trọng Ngón	DH19OT					7,0	6,5	0012345678910	0123456789
52	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
53	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD					8,5	8,3	0012345678910	0123456789
54	19153052	ĐỖ Văn Tình Nhỏ	DH19CD					4,0	4,0	0012345678910	0123456789
55	19153053	Nguyễn Vương Nhựt	DH19CD					6,5	6,3	0012345678910	0123456789
56	20118221	DƯƠNG TÂN PHÁT	DH20CC					8,0	7,0	0012345678910	0123456789
57	17138039	Lê Quang PHIỆU	DH17TD					7,0	6,5	0012345678910	0123456789
58	20153107	HỒ GIA PHONG	DH20CD						✓	0012345678910	0123456789
59	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
60	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD						✓	0012345678910	0123456789
61	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD					8,0	7,0	0012345678910	0123456789
62	19153062	Trần Nguyên Anh Phương	DH19CD					6,0	6,5	0012345678910	0123456789
63	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
64	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD					8,0	7,0	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD					7,5	7,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ ○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
66	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD					8,0	7,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD					8,0	8,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
68	20118255	NGUYỄN QUỐC THẮNG	DH20CK					7,0	6,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC					7,0	6,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
70	19153077	Nguyễn Gia Thịnh	DH19CD						✓	● ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD					8,5	7,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ ○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
72	20118262	LƯU CHỈ THÔNG	DH20CC						✓	● ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD					6,0	6,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD					6,0	5,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
75	19153083	Giáp Trung Tín	DH19CD					7,0	6,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
76	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT					8,0	7,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK					9,0	8,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	19154169	Nguyễn Trọng Tính	DH19OT					7,0	5,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
79	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK					7,0	6,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
80	19153087	Đặng Nguyễn Thành Trung	DH19CD					7,0	6,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02935

Trang 6/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
81	19153088	Nguyễn Công Trường	DH19CD					6,0	7,0	0012345678910	0123456789
82	19154177	Nguyễn Nguyên Trường	DH19OT					7,0	6,0	0012345678910	0123456789
83	19153089	Phạm Lê Tấn Trường	DH19CD					7,0	6,5	0012345678910	0123456789
84	19153090	Mai Lê Tú	DH19CD						✓	0012345678910	0123456789
85	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT					7,0	6,0	0012345678910	0123456789
86	20118282	NGUYỄN ĐẶNG MINH TUẤN	DH20CC					8,5	7,3	0012345678910	0123456789
87	19154184	Nguyễn Thanh Tùng	DH19OT					9,0	7,5	0012345678910	0123456789
88	19118272	Nguyễn Quốc Vĩ	DH19CK					9,0	7,5	0012345678910	0123456789
89	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT					1,5	2,8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 10

Hiện diện: 79

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thanh Phong

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thanh Phong



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước An	DH19CD					90	86	0012345678910	0123456789
2	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD					50	50	0012345678910	0123456789
3	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT					90	88	0012345678910	0123456789
4	17153010	Vương Quốc Việt	DH17CD					30	40	0012345678910	0123456789
5	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD					60	53	0012345678910	0123456789
6	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK					60	65	0012345678910	0123456789
7	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD					60	53	0012345678910	0123456789
8	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD					80	63	0012345678910	0123456789
9	19153012	Lê Công Tiến	DH19CD					90	83	0012345678910	0123456789
10	19153013	Nguyễn Võ Anh	DH19CD					90	80	0012345678910	0123456789
11	19153014	Phạm Đình	DH19CD					40	33	0012345678910	0123456789
12	19153015	Phan Nguyễn Minh	DH19CD					90	90	0012345678910	0123456789
13	15153014	Nguyễn Phương	DH15CD						✓	0012345678910	0123456789
14	19153010	Nguyễn Ngọc	DH19CD					90	80	0012345678910	0123456789
15	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD					90	84	0012345678910	0123456789
16	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD					30	41	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD					8,0	6,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD					3,0	4,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD					4,0	4,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD					7,0	7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK					8,0	7,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19153025	Lương Quang Huy	DH19CD					5,0	4,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	19153026	Trần Quốc Huy	DH19CD					6,0	6,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	19153029	Hoàng Cao Khải	DH19CD					4,0	2,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK					4,0	3,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	19153030	Nguyễn Duy Khang	DH19CD					9,0	8,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD					9,0	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	19153034	Chu Trương Đăng Khôi	DH19CD					4,0	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD					9,0	7,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD					9,0	8,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	19153037	Đinh Văn Quyền Linh	DH19CD					6,0	6,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD					4,0	4,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD					5,0	4,6	0012345678910	0123456789
34	19153043	Lê Tấn Thương Minh	DH19CD					4,0	5,5	0012345678910	0123456789
35	19118144	Lê Trần Nhật Minh	DH19CK					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
36	19118145	Nguyễn Văn Minh	DH19CC					8,0	6,0	0012345678910	0123456789
37	19118146	Thạch Minh	DH19CC					8,0	7,0	0012345678910	0123456789
38	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD					6,0	4,3	0012345678910	0123456789
39	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD					3,0	3,3	0012345678910	0123456789
40	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD					9,0	7,3	0012345678910	0123456789
41	19153052	Đỗ Văn Tinh Nhỏ	DH19CD					2,0	2,3	0012345678910	0123456789
42	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT						✓	0012345678910	0123456789
43	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK					4,0	5,5	0012345678910	0123456789
44	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD					9,0	6,0	0012345678910	0123456789
45	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD					4,0	5,8	0012345678910	0123456789
46	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD					5,0	6,0	0012345678910	0123456789
47	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD					6,0	4,5	0012345678910	0123456789
48	19153062	Trần Nguyên Anh Phương	DH19CD					6,0	6,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK					4,0	5,5	0012345678910	0123456789
50	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD					5,0	6,0	0012345678910	0123456789
51	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
52	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD					7,5	7,3	0012345678910	0123456789
53	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD					4,0	5,4	0012345678910	0123456789
54	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD					9,0	8,3	0012345678910	0123456789
55	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD					2,0	2,3	0012345678910	0123456789
56	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD					3,0	2,8	0012345678910	0123456789
57	19154148	Lương Tất Thành	DH19OT					9,0	8,9	0012345678910	0123456789
58	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD					2,0	1,0	0012345678910	0123456789
59	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD					8,0	5,5	0012345678910	0123456789
60	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT					4,0	5,5	0012345678910	0123456789
61	19153077	Nguyễn Gia Thịnh	DH19CD						✓	0012345678910	0123456789
62	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
63	19153079	Hoàng Thông	DH19CD					7,0	6,9	0012345678910	0123456789
64	19153080	Kiều Thuy	DH19CD					5,0	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02849

Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD					4,0	5,0	0012345678910	0123456789
66	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD					8,0	6,5	0012345678910	0123456789
67	19118236	Phạm Vũ Nhật	DH19CC					9,0	8,6	0012345678910	0123456789
68	19153083	Giáp Trung	DH19CD					8,0	7,5	0012345678910	0123456789
69	19153086	TẠ Thị Ngọc	DH19CD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
70	19153087	Đặng Nguyễn Thành	DH19CD					3,0	3,3	0012345678910	0123456789
71	19153088	Nguyễn Công	DH19CD					9,0	7,5	0012345678910	0123456789
72	19153089	Phạm Lê Tấn	DH19CD					3,0	5,0	0012345678910	0123456789
73	19153090	Mai Lê	DH19CD						✓	0012345678910	0123456789
74	18153083	Phạm Khải	DH18CD					9,0	7,0	0012345678910	0123456789
75	19118272	Nguyễn Quốc	DH19CK					6,0	5,3	0012345678910	0123456789
76	19118279	Bùi Bá	DH19CC					9,0	7,3	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 04

Hiện diện: 72

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Thanh Phong

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Nghị (1090)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	21118168	Vũ Đình Đông An	DH21CK						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	21118170	Lê Quốc Anh	DH21CK						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	21118174	Huỳnh Minh Bảo	DH21CK						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	21118180	Nguyễn Văn Buối	DH21CK						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	21118184	Nguyễn Thành Cù	DH21CK						10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	21118185	Nguyễn Ngọc Cương	DH21CK						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	21118186	Trần Ngạn Cương	DH21CK						6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	21118189	Nguyễn Quốc Cường	DH21CK						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	21118190	Nguyễn Quốc Cường	DH21CK						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	21118196	Nguyễn Văn Danh	DH21CK						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	21118214	Dương Nhất Duy	DH21CK						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	21118215	Lương Hoàng Anh Duy	DH21CK						5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	21118217	Nguyễn Bảo Duy	DH21CK						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	21118218	Nguyễn Ngọc Duy	DH21CK						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	21118043	Trần Khánh Duy	DH21CK						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	21118211	Hà Lâm Văn Dương	DH21CK						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Nghị (1090)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
						%	%	thi	T. kết		
17	21118198	Dương Đức Đạo	DH21CK						6,0	0012345678910	0123456789
18	21118199	Đào Đức Đạt	DH21CK						6,0	0012345678910	0123456789
19	21118200	Hoàng Văn Đạt	DH21CK						8,0	0012345678910	0123456789
20	21118204	Vũ Tiến Đạt	DH21CK						7,0	0012345678910	0123456789
21	21118194	Đào Hải Đăng	DH21CK						10	0012345678910	0123456789
22	21118206	Tô Phạm Hữu Đức	DH21CK						7,0	0012345678910	0123456789
23	21118226	Nguyễn Hoàng Hào	DH21CK						10	0012345678910	0123456789
24	21118227	Võ Hoàng Hào	DH21CK						9,0	0012345678910	0123456789
25	21118050	Lê Trần Phúc Hậu	DH21CK						6,0	0012345678910	0123456789
26	21118228	Nguyễn Công Hậu	DH21CK						6,0	0012345678910	0123456789
27	21118230	Hoa Xoài Hên	DH21CK						7,0	0012345678910	0123456789
28	21118232	Cao Thái Hiền	DH21CK						9,0	0012345678910	0123456789
29	21118235	Phạm Minh Hiếu	DH21CK						6,0	0012345678910	0123456789
30	21118237	Hứa Minh Hòa	DH21CK						6,0	0012345678910	0123456789
31	21118238	Nguyễn Phúc Hòa	DH21CK						7,0	0012345678910	0123456789
32	21118240	Đỗ Cao Huy Hoàng	DH21CK						8,0	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Nghị (1090)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
						%	%	thi	T. kết		
33	21118242	Nguyễn Duy Hoàng	DH21CK						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	21118244	Nguyễn Minh Hoàng	DH21CK						10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	21118248	Nguyễn Thế Hùng	DH21CK						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	21118255	Hồ Quốc Huy	DH21CK						6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	21118257	Nguyễn Chánh Huy	DH21CK						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	21118259	Nguyễn Trần Gia Huy	DH21CK						10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	21118265	Hồ Thị Như Huỳnh	DH21CK						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	21118062	Ngô Trí Hưng	DH21CK						10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	21118252	Trần Nguyễn Hưng	DH21CK						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	21118253	Trần Tiến Hưng	DH21CK						6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	21118073	Lê Đình Khả	DH21CK						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	21118268	Nguyễn Ngọc Khang	DH21CK						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	21118270	Nguyễn Văn Khánh	DH21CK						6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	21118271	Danh Võ Anh Khoa	DH21CK						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	21118278	Nông Trung Kiên	DH21CK						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	21118280	Bùi Tuấn Kiệt	DH21CK						5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Nghị (1090)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	21118281	Đào Duy Kiệt	DH21CK						8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑦ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
50	21118282	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH21CK						8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑦ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
51	21118287	Huỳnh Hữu Kỳ	DH21CK						9,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑧ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
52	21118293	Trương Duy Lành	DH21CK						7,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑦ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
53	21118084	Lê Hoàng Lâm	DH21CK						8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑦ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
54	21118289	Lý Nhật Lâm	DH21CK						6,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑦ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
55	21118290	Nguyễn Duy Lâm	DH21CK						10	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑧ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
56	21118291	Nguyễn Hoàng Lâm	DH21CK						9,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑧ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
57	21118292	Nguyễn Sơn Lâm	DH21CK						9,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑧ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
58	21118296	Châu Vũ Lộc	DH21CK						8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑦ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
59	21118298	Trần Hà Trung Lợi	DH21CK						8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑦ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
60	21118300	Nguyễn Quý Luân	DH21CK						9,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑧ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
61	21118302	Phan Minh Luân	DH21CK						8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑧ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
62	21118303	Ngô Minh Mẫn	DH21CK						6,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑦ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
63	21118304	Nguyễn Ngọc Mẫn	DH21CK						7,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑦ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
64	21118309	Nguyễn Văn Minh	DH21CK						9,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑧ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Nghị (1090)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							%	%	thi	T. kết		
81	21118346	Đỗ Hoàng	Quân	DH21CK						8,0	0012345678910	0123456789
82	21118351	Đào Duy	Quốc	DH21CK						8,0	0012345678910	0123456789
83	21118352	Nguyễn Văn	Quốc	DH21CK						7,0	0012345678910	0123456789
84	21118359	Trần Thành	Quý	DH21CK						8,0	0012345678910	0123456789
85	21118360	Nguyễn Công Duy	Quý	DH21CK						5,0	0012345678910	0123456789
86	21118121	Dùng Thanh	Sang	DH21CK						6,0	0012345678910	0123456789
87	21118378	Nguyễn Ngọc	Thành	DH21CK						6,0	0012345678910	0123456789
88	21118379	Trần Việt	Thành	DH21CK						7,0	0012345678910	0123456789
89	21118138	Hà Xuân	Thịnh	DH21CK						7,0	0012345678910	0123456789
90	21118382	Dương Tuấn	Thuận	DH21CK						8,0	0012345678910	0123456789
91	21118143	Nguyễn Minh	Thuận	DH21CK						7,0	0012345678910	0123456789
92	21118386	Đặng Quang	Tiến	DH21CK						8,0	0012345678910	0123456789
93	21118387	Đỗ Nguyễn Hữu	Tiến	DH21CK						6,0	0012345678910	0123456789
94	21118388	Lê Nguyễn Tân	Tiến	DH21CK						8,0	0012345678910	0123456789
95	21118389	Lê Nhật	Tiến	DH21CK						9,0	0012345678910	0123456789
96	21118393	Trần Quang	Tốt	DH21CK						8,0	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Nghị (1090)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	21118313	Đồng Hữu Nam	DH21CK						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	21118314	Nguyễn Trần Phương	DH21CK						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	21118315	Phan Thành	DH21CK						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	21118324	Nguyễn Hiếu	DH21CK						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	21118328	Nguyễn Minh	DH21CK						6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	21118329	Phạm Anh	DH21CK						6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	21118104	Trần Hồ Anh	DH21CK						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	21118331	Phạm Kim	DH21CK						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	21118107	Lý Huỳnh Tấn	DH21CK						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	21118335	Nguyễn Trần Thanh	DH21CK						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	21118338	Đoàn Đại	DH21CK						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	21118339	Hồ Hoàng	DH21CK						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	21118343	Võ Đình	DH21CK						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	21118344	Huỳnh Nam	DH21CK						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	21118117	Nguyễn Minh	DH21CK						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	21118347	Lê Nhật	DH21CK						10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Nghị (1090)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
97	21118396	Trần Thanh Trí	DH21CK						7,0	0012345678910	0123456789
98	21118397	Nguyễn Hữu Triều	DH21CK						✓	0012345678910	0123456789
99	21118400	Lê Văn Trung	DH21CK						7,0	0012345678910	0123456789
100	21118399	Nguyễn Trung Trục	DH21CK						8,0	0012345678910	0123456789
101	21118404	Huỳnh Quang Trường	DH21CK						10	0012345678910	0123456789
102	21118411	Phạm Hữu Thanh Tuấn	DH21CK						7,0	0012345678910	0123456789
103	21118413	Trần Hoàng Anh Tuấn	DH21CK						7,0	0012345678910	0123456789
104	21118420	Nguyễn Anh Văn	DH21CK						6,0	0012345678910	0123456789
105	21118421	Nguyễn Văn Việt	DH21CK						✓	0012345678910	0123456789
106	21118422	Nguyễn Tiến Vinh	DH21CK						7,0	0012345678910	0123456789
107	21118424	Cao Văn Vũ	DH21CK						6,0	0012345678910	0123456789
108	21118163	Dương Hàn Vũ	DH21CK						8,0	0012345678910	0123456789
109	21118435	Nguyễn Vũ Hải Yến	DH21CK						8,0	0012345678910	0123456789
110	21118436	Phạm Thị Hải Yến	DH21CK						✓	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyển

TS. Nguyễn Thanh Nghị



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Lê Văn Bạ (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	21138002	Nguyễn Văn An	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	21138086	Trương Hoài An	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	21138087	Lê Hải Anh	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	21138004	Lê Tuấn Anh	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	21138088	Nguyễn Hoàng Anh	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	21138005	Lê Diệp Bách	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	21138089	Phạm Quốc Bảo	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	21138090	Đặng Hải Bình	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	21138091	Lê Quốc Bình	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	21138092	Lê Minh Chánh	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	21138093	Vũ Hoàng Chí	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	21138094	Phạm Doanh Chính	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	21138095	Ngô Tùng Chương	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	21138008	Võ Vinh Cơ	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	21138097	Nguyễn Văn Cương	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	21138098	Châu Chí Cường	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Lê Văn Bạt (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	21138099	Đào Duy Cường	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
18	21138106	Thiên Sanh Doãn	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
19	21138107	Bùi Thị Bích Dung	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
20	21138108	Bùi Phúc Dũng	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
21	21138014	Tổng Khánh Duy	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
22	21138100	Võ Văn Đại	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
23	21138101	Lê Thanh Đạt	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
24	21138102	Nguyễn Thành Đạt	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
25	21138103	Phạm Quốc Đạt	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
26	21138104	Hồ Minh Đệ	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
27	21138105	Hồ Chi Đô	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
28	21138111	Trần Chí Hà	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
29	21138112	Chu Văn Hải	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
30	21138113	Nguyễn Minh Hào	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
31	21138115	Bùi Nguyễn Minh Hiếu	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
32	21138018	Nguyễn Trọng Hiếu	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Lê Văn Bạ (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	21138116	Quách Xuân Hiếu	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	21138117	Võ Văn Hiếu	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	21138118	Cao Nhựt Hòa	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	21138119	Nguyễn Hữu Hoài	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	21138021	Mai Huy Hoàng	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	21138120	Ngô Phạm Minh Hoàng	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	21138122	Phan Trần Hoàng	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	21138123	Từ Minh Hoàng	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	21138124	Võ Thanh Hoàng	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	21138125	Đồng Hữu Hùng	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	21138127	Nguyễn Thế Hùng	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	21138130	Bùi Hoàng Huy	DH21TD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	21138131	Trần Tấn Huy	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	21138132	Võ Trần Phước Huy	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	21138133	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	21138032	Trần Duy Khang	DH21TD					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	① 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Lê Văn Bạn (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	21138136	Huỳnh Đăng Khoa	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
50	21138137	Nguyễn Đăng Khoa	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
51	21138138	Trần Văn Tuấn	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
52	21138139	Nguyễn Tấn Lân	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
53	21138142	Nguyễn Thành Long	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
54	21138140	Phan Tấn Lộc	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
55	21138039	Đinh Công Lợi	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
56	21138141	Trương Thành Lợi	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
57	21138143	Võ Nguyễn Thành Luân	DH21TD							0012345678910	0123456789
58	21138144	Vũ Hoàng Lực	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
59	21138043	Nguyễn Minh Mẫn	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
60	21138145	Đỗ Đức Minh	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
61	21138146	Lê Công Minh	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
62	21138048	Nguyễn Trọng Nam	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
63	21138147	Lê Hữu Nga	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
64	21138149	Võ Đại Nghĩa	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Lê Văn Bạ (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
65	21138150	Ngô Đức Nguyên	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
66	21138151	Trương Văn Nguyên	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
67	21138154	Phạm Di Nhất	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
68	21138156	Lê Quang Nhựt	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
69	21138157	Nguyễn Đức Phát	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
70	21138158	Nguyễn Hoàng Pho	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
71	21138159	Nguyễn Hải Phong	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
72	21138160	Nguyễn Hoàng Phúc	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
73	21138161	Tổng Hoàng Phúc	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
74	21138056	Nguyễn Đức Phước	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
75	21138162	Nguyễn Hoàng Phương	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
76	21138164	Phan Ngọc Quân	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
77	21138166	Nguyễn Thành Quốc	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
78	21138168	Phạm Văn Quý	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
79	21138170	Nguyễn Trọng Hùng Sơn	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
80	21138171	Nguyễn Trường Sơn	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Lê Văn Bạt (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
81	21138060	Bạch Tiến Sỹ	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
82	21138172	Trần Phương Tài	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
83	21138062	Võ Tấn Tài	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
84	21138174	Nguyễn Ngọc Tân	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
85	21138175	Nguyễn Thái Tân	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
86	21138176	Phạm Nhật Tân	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
87	21138177	Vũ Nhật Tân	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
88	21138178	Lê Quốc Thái	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
89	21138179	Võ Huỳnh Quốc Thái	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
90	21138181	Hồ Ngọc Thiên	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
91	21138182	Võ Văn Thiện	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
92	21138183	Nguyễn Minh Thuận	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
93	21138184	Bùi Quang Tiến	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
94	21138069	Lê Minh Tiến	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
95	21138185	Lê Minh Tiến	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
96	21138186	Huỳnh Xuân Tín	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Lê Văn Bận (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
97	21138189	Lý Ngọc Tính	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
98	21138190	Nguyễn Trung	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
99	21138191	Nguyễn Bảo Toàn	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
100	21138192	Nguyễn Khánh Toàn	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
101	21138193	Trần Minh Toàn	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
102	21138194	Ngô Minh Trí	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
103	21138072	Nguyễn Nguyên Trí	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
104	21138195	Trần Trí	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
105	21138196	Trần Minh Triệu	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
106	21138197	Phạm Thái Trung	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
107	21138074	Đặng Thành Trục	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
108	21138198	Lê Quốc Trường	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
109	21138199	Ngô Trịnh Anh Tú	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
110	21138200	Lê Nguyễn Quốc Tuấn	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
111	21138201	Liu Quốc Tuấn	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
112	21138079	Bùi Sơn Tùng	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Lê Văn Bạ (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
113	21138202	Lê Anh Tùng	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
114	21138203	Nguyễn Văn Tùng	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
115	21138204	Nguyễn Thị Phúc Uyên	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
116	21138085	Nguyễn Thị Mỹ Yên	DH21TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 02

Hiện diện: 114

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trưởng Công Tịch

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Lê Quang Hiền



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập Robot công nghiệp (207637) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
2	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
3	18138016	Nguyễn Long Ngọc Đình	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
4	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
5	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
6	18138036	Phan Trần Hoàng Huy	DH18TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
7	18138032	Chung Hiệp Hưng	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
8	18138033	Nguyễn Thế Hưng	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
9	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
10	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
11	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
12	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
13	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
14	18138062	Trần Phát	DH18TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
15	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
16	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập Robot công nghiệp (207637) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138072	Lê Tấn Quý	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
18	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
19	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
20	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
21	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
22	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
23	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
24	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
25	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 00

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập Robot công nghiệp (207637) - 02

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
2	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
3	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
4	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
5	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
6	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
7	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
8	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
9	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
10	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
11	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
12	18138030	Trần Lê Huân	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
13	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
14	18138044	Đinh Trọng Khôi	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
15	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
16	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02900

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập Robot công nghiệp (207637) - 02

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
18	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
19	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
20	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
21	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
22	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
23	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
24	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
25	18138096	Hồ Duy Thiện	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
26	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 00

Hiện diện: 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập Robot công nghiệp (207637) - 03

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD	<i>An</i>				7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD	<i>Bao</i>				8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD	<i>Khai</i>				8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD	<i>Duy</i>				8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD	<i>Phinh</i>				7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD	<i>Hieu</i>				8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18138037	Trần Trọng Huy	DH18TD	<i>Huy</i>				8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD	<i>Khoi</i>				7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18138046	Phạm Văn Tiểu Kỳ	DH18TD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD	<i>Lo</i>				8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD	<i>Luy</i>				9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD	<i>Nam</i>				7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD	<i>Nguyen</i>				8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD	<i>Phat</i>				7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02901

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập Robot công nghiệp (207637) - 03

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
18	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
19	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
20	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
21	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
22	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
23	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
24	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
25	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 03

Hiện diện: 22

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ điện tử (207638) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	21153104	Nguyễn Vũ Hoài An	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
2	21153108	Trần Quốc Bảo	DH21CD	vany						0012345678910	0123456789
3	21153109	Phạm Linh Cát	DH21CD	vany						0012345678910	0123456789
4	21153111	Trần Kỳ Cương	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
5	21153112	Nguyễn Quốc Cường	DH21CD	vany						0012345678910	0123456789
6	21153114	Hồ Công Danh	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
7	21153119	Trần Quốc Dũng	DH21CD			6	8	7	7,2	0012345678910	0123456789
8	21153121	Phạm Đăng Duy	DH21CD			6	9	7	7,5	0012345678910	0123456789
9	21153122	Trần Huỳnh Duy	DH21CD			9	7	7	7,2	0012345678910	0123456789
10	21153120	Lê Văn Dưỡng	DH21CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
11	21153103	Nguyễn Thạch Quốc Đạt	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
12	21153115	Đỗ Lê Thành Đạt	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
13	21153116	Lê Văn Thành Đạt	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
14	21153118	Phùng Minh Đạt	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
15	21153113	Trần Khải Đăng	DH21CD			9	8,9	8	8,4	0012345678910	0123456789
16	21153123	Lê Đình Mạnh Hà	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ điện tử (207638) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	21153124	Huỳnh Phan Thanh Hải	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
18	21153125	Nguyễn Ngọc Hải	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
19	21153126	Nguyễn Phong Hào	DH21CD			9	7	7	7,2	0012345678910	0123456789
20	21153127	Hà Huy Hậu	DH21CD			3	9	8	7,8	0012345678910	0123456789
21	21153128	Bùi Trọng Hiếu	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
22	21153129	Nguyễn An Anh Hòa	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
23	21153130	Trần Hữu Hòa	DH21CD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
24	21153131	Bành Quốc Hoàng	DH21CD			9	7	7	7,2	0012345678910	0123456789
25	21153132	Nguyễn Bảo Ngọc Hoàng	DH21CD			9	9	8	8,4	0012345678910	0123456789
26	21153133	Nguyễn Thái Hoàng	DH21CD			9	7	7	7,2	0012345678910	0123456789
27	21153134	Trần Huy Hoàng	DH21CD			7	8	8	7,9	0012345678910	0123456789
28	21153139	Nguyễn Quốc Huy	DH21CD			9	9	8	8,4	0012345678910	0123456789
29	21153135	Nguyễn Tiến Hưng	DH21CD			8	9	7	7,7	0012345678910	0123456789
30	21153136	Trần Võ Chấn Hưng	DH21CD			9	7	7	7,2	0012345678910	0123456789
31	21153141	Phạm Hữu Khan	DH21CD			9	9	9	9,0	0012345678910	0123456789
32	21153143	Trần Quốc Khánh	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ điện tử (207638) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	21153144	Nguyễn Anh Khoa	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
34	21153145	Võ Đăng Khoa	DH21CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
35	21153146	Quách Đăng Kiên	DH21CD			9	9	8	8,4	0012345678910	0123456789
36	21153148	Đoàn Khắc Luân	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
37	21153150	Phan Đức Mạnh	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
38	21153151	Trần Đức Mạnh	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
39	21153149	Hồ Xuân Mẫn	DH21CD			9	9	6	7,2	0012345678910	0123456789
40	21153152	Ngô Đức Minh	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
41	21153153	Nguyễn Quang Minh	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
42	21153154	Tạ Nhật Minh	DH21CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
43	21153155	Đỗ Duy Nam	DH21CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
44	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD			9	9	8	8,4	0012345678910	0123456789
45	21153156	Phan Hoài Nam	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
46	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD			7	9	7	7,6	0012345678910	0123456789
47	21153158	Phạm Trọng Nghĩa	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
48	21153159	Trịnh Trung Nghĩa	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ điện tử (207638) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
49	21153161	Nguyễn Hoàng Nguyên	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
50	21153162	Phạm Quốc Nguyên	DH21CD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
51	21153163	Ngô Hoàng Nhạc	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
52	21153164	Bùi Đình Nhân	DH21CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
53	21153165	Nguyễn Viết Thành Nhân	DH21CD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
54	21153166	Trần Thanh Nhân	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
55	21153167	Huỳnh Minh Nhật	DH21CD			8	9	7	7,7	0012345678910	0123456789
56	21153052	Phạm Hồng Nhật	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
57	21153053	Nguyễn Hữu Phát	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
58	21153057	Đào Trường Phúc	DH21CD			9	9	8	8,4	0012345678910	0123456789
59	21153059	Nguyễn Minh Quân	DH21CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
60	21153072	Nguyễn Văn Vạn Thọ	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
61	21153073	Huỳnh Thái Thuận	DH21CD			9	8	9	8,7	0012345678910	0123456789
62	21153076	Tô Hoàng Thương	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
63	21153080	Nguyễn Vĩnh Tiến	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
64	17153072	Nguyễn Hoàng Toán	DH17CD			8	9	8	8,3	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ điện tử (207638) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	21153094	Nguyễn Đức Tuấn	DH21CD			7	8	8	7,9	0012345678910	0123456789
66	21153217	Lê Thái Anh Văn	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
67	21153219	Nguyễn Hoàng Việt	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
68	21153100	Cai Thành Vũ	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
69	21153222	Trần Hoàng Vũ	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
70	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD			8	9	8	8,3	0012345678910	0123456789
71	21153223	Khấu Đoàn Thành Vương	DH21CD			5	0	8	5,3	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 03

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Thị Kim Nga

Trần Thị Kim Nga

Trần Thị Kim Nga



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ điện tử (207638) - 04

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	21153005	Trần Duy Bình	DH21CD			7	9	8	8,2	0012345678910	0123456789
2	21153022	Đặng Lê Quang Huy	DH21CD			9	9	8	8,4	0012345678910	0123456789
3	21153023	Đặng Nhật Huy	DH21CD			9	8	9	8,7	0012345678910	0123456789
4	21153026	Lê Hoàng Huy	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
5	21153030	Phạm Thành Khang	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
6	21153034	Nguyễn Minh Khôi	DH21CD			6	7	7	6,9	0012345678910	0123456789
7	21153035	Đặng Thế Kiên	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
8	21153038	Cao Tuấn Kiệt	DH21CD			9	9	8	8,4	0012345678910	0123456789
9	21153041	Trần Tuấn Kiệt	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
10	21153043	Trương Ngọc Lâm	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
11	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD			9	9	9	9,0	0012345678910	0123456789
12	21153049	Trần Xuân Mạnh	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
13	21153168	Trần Minh Nhật	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
14	21153169	Cao Hạo Nhiên	DH21CD			7	9	8	8,2	0012345678910	0123456789
15	21153170	Nguyễn Minh Nhựt	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
16	21153171	Nguyễn Thanh Phát	DH21CD			8	9	7	7,7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ điện tử (207638) - 04

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	21153173	Nguyễn Đình Phúc	DH21CD			5	9	8	8,0	0012345678910	0123456789
18	21153174	Nguyễn Hoàng Phúc	DH21CD			3	9	7	7,2	0012345678910	0123456789
19	21153175	Phan Thanh Vĩnh Phúc	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
20	21153176	Phạm Dương Tâm Phước	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
21	21153177	Phan Phước	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
22	21153178	Nguyễn Văn Phương	DH21CD			6	8	7	7,2	0012345678910	0123456789
23	21153179	Nguyễn Đoàn Minh Quân	DH21CD	✓						0012345678910	0123456789
24	21153181	Võ Văn Quý	DH21CD			7	9	9	8,8	0012345678910	0123456789
25	21153182	Nguyễn Minh Quốc	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
26	21153183	Võ Công Sơn	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
27	21153184	Trần Nguyễn Phúc Tâm	DH21CD			9	7	7	7,2	0012345678910	0123456789
28	21153185	Nguyễn Thanh Tân	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
29	21153186	Trần Gia Tân	DH21CD			9	7	7	7,2	0012345678910	0123456789
30	21153187	Đặng Danh Thái	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
31	21153189	Phùng Nhật Thanh	DH21CD			7	8	7	7,3	0012345678910	0123456789
32	21153190	Huỳnh An Thạnh	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ điện tử (207638) - 04

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	21153188	Phạm Ngọc Thắng	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
34	21153191	Lê Đình Thế	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
35	21153192	Phạm Đức Thiện	DH21CD			7	9	8	8,2	0012345678910	0123456789
36	21153193	Phạm Đình Thịnh	DH21CD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
37	21153194	Trần Duy Thịnh	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
38	21153197	Biện Phước Thuận	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
39	21153198	Nguyễn Chánh Thuận	DH21CD			9	7	8	7,8	0012345678910	0123456789
40	21153201	Nguyễn Toàn Tiến	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
41	21153202	Võ Ngọc Tin	DH21CD			6	8	7	7,2	0012345678910	0123456789
42	21153204	Trần Minh Tới	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
43	21153205	Nguyễn Thị Thùy Trang	DH21CD			7	9	9	8,8	0012345678910	0123456789
44	21153206	Huỳnh Minh Triết	DH21CD			6	9	7	7,5	0012345678910	0123456789
45	21153207	Phan Quốc Triệu	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
46	21153208	Ngô Huỳnh Trọng	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
47	21153209	Phạm Quốc Trung	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
48	21153210	Nguyễn Minh Trường	DH21CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ điện tử (207638) - 04

CBGD: Trần Thị Kim Ngà (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	21153212	Mai Đăng Tuấn	DH21CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
50	21153215	Nguyễn Hoàng Tùng	DH21CD			7	8	7	7,3	0012345678910	0123456789
51	21153216	Lê Khánh Văn	DH21CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 01

Hiện diện:

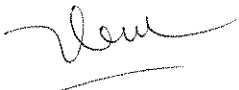
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

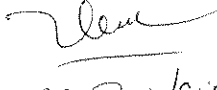
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trần Thị Kim Ngà


Trần Thị Kim Ngà


Trần Thị Kim Ngà